TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2023/DS-PT
Ngày: 16/ 3/ 2023
V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp QSDĐ, HĐCN QSDĐ và Q sở hữu".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.
- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Vạng
Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đ3 diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Ngày 16/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 378/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất, Hợp đồng tặng cho Q sử dụng đất, Hợp đồng chuyển nhượng Q sử dụng đất và Q sở hữu ".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2022/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Lai Vung bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 403/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (AGRIBANK). Đ3 diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Khánh, chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên AGRIBANK Việt Nam; Địa chỉ: Số 18, Trần Hữu Dực, Mỹ Đình I, Từ Liêm, Hà Nội.

Đ3 diện theo ủy Q: Ông Huỳnh Thanh T6 – Trưởng phòng khách hàng hộ sản xuất và cá nhân Agribank Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp. Theo Quyết định ủy Q

số 2553/QĐ-NHNo-HSX, ngày 17/8/2018; Địa chỉ: Số 01, Nguyễn Du, Phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Nguyễn Văn N, sinh năm: 1993; Địa chỉ: A/KDC ấp Long Định, xã A, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Hiện đang chấp hành án tại Trạm giam Cao Lãnh - Cục C10 Trại Giam Cao Lãnh.

- *Người có Q L2 và nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Trần Thị Q, sinh năm: 1966;

2. Nguyễn Thị T, sinh năm: 1990;

Cùng địa chỉ: A/KDC ấp A, xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

3. Trần Văn T2, sinh năm: 1987;

4. Trần Tấn L2, sinh năm: 2009;

Cùng địa chỉ: A/KDC ấp A, xã A, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Người Đ3 diện theo pháp luật cho Trần Tấn L2 là Trần Văn T2, sinh năm: 1987; Địa chỉ: A/KDC ấp A, xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp;

5. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm: 1964;

6. Anh Nguyễn Minh Đ3, sinh năm: 1993;

7. Bà Nguyễn Thị C3, sinh năm: 1965;

8. Nguyễn Anh T6, sinh năm: 1984;

9. Nguyễn Thị Q2, sinh năm: 1986;

10. Nguyễn Anh H2, sinh năm: 1990;

Cùng địa chỉ: A ấp A, xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

11. Nguyễn Thị Kim T5, sinh năm: 1988;

12. Nguyễn Sơn L2, sinh năm: 1989;

Cùng địa chỉ: A ấp A, xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

13. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm: 1949;

14. Lê Thị Nô, sinh năm: 1951;

15. Nguyễn Văn H, sinh năm: 1987;

16. Nguyễn Thanh H2, sinh năm: 1989;

Cùng địa chỉ: A ấp A, xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

17. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1972 ;

18. Ngô Văn C2, sinh năm: 1970;

19. Ngô Văn T3, sinh năm: 1996;

20. Ngô Văn T4, sinh năm: 1997;

21. Ngô Văn Tèo A, sinh năm: 2004;

Cùng địa chỉ: A ấp A, xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

22. Ông Nguyễn Minh N, sinh năm: 1965;

23. Nguyễn Văn T5, sinh năm: 1986;

24. Nguyễn Thanh B6, sinh năm: 1988;

25. Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm: 1984;

Cùng địa chỉ: A ấp A, xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Nguyễn Minh Nô ủy Q cho ông Trần Đình Hải, sinh năm : 1989; Địa chỉ: 22 Nguyễn Huệ, Phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

26. Bà Huỳnh Thị N1, sinh năm: 1973;

27. Ông Nguyễn Minh A, sinh năm: 1975;

Cùng địa chỉ: A ấp A, xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

28. Chị Lê Thị Cẩm G1, sinh năm: 1991;

29. Đỗ Văn C1, sinh năm: 1990;

Cùng địa chỉ: A ấp Long Bình, xã Hòa Long, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Lê Thị Cẩm Giang ủy Q cho ông Lê Văn Diễu, sinh năm: 1963; Địa chỉ: ấp Long An, xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

30. Nguyễn Văn N2, sinh năm: 1967; Địa chỉ: ấp Long Phú, xã Hòa Long, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ: 338C/4 ấp Long Hưng 2, xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp;

31. Nguyễn Kim T2, sinh năm: 1990; Địa chỉ: 449/2 ấp Hòa Ninh, xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo là Bà Trần Thị Q, ông Nguyễn Văn Ngon, ông Nguyễn Minh Nô, ông Nguyễn Văn Tèo, ông Nguyễn Thanh Bình, ông Nguyễn Minh Út, bà Lê Thị Cẩm Giang là người có Q L2 và nghĩa vụ liên quan của vụ án. Đ3 diện Ngân hàng Agribank vắng mặt, anh N có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa người Đ3 diện theo ủy Q của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển nông thôn Việt Nam là ông Huỳnh Thanh T6 trình bày:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp ký kết hợp đồng cho Nguyễn Văn N vay 02 Hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng (Dùng cho khách hàng cá nhân) số 6500-LAV-201800.117 ký ngày 01/02/2018, số tiền vay là 600.000.000 đồng, thời hạn vay theo hợp đồng 12 tháng từ ngày 01/02/2018 đến ngày 01/02/2019, mục đích vay chăm sóc vườn và Hợp đồng tín dụng (Dùng cho khách hàng cá nhân) số 6500-LAV-201800.154 ký ngày 06/02/2018, số tiền vay là 200.000.000 đồng, thời hạn vay theo hợp đồng 36 tháng từ ngày 06/02/2018 đến ngày 06/02/2021, mục đích vay chi phí mua nhà và đất ở. Sau khi vay Nguyễn Văn N trả nhiều lần tiền vốn gốc cho khoảng vay 200.000.000 đồng là 5.600.000 đồng, trong thời gian Tòa án giải quyết Nguyễn Văn N trả tiếp 58.000.000 đồng, tổng cộng trả tiền vốn là 63.600.000 đồng, không trả tiền lãi, trong quá trình thực hiện hợp đồng bên vay là ông Nguyễn Văn N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vốn vay, tiền lãi nên Ngân hàng khởi kiện.

Tài sản thế chấp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho vay theo hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số: 2018.18/HĐTC ngày 31/01/2018 và Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số: 2018.21/HĐTC ngày 06/02/2018 là:

- Q sử dụng đất đối với thửa đất số 155, tờ bản đồ số 67, tổng diện tích 6.646m^2, đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, theo giấy chứng nhận Q sử dụng đất, Q sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 481340, số vào sổ cấp GCN: CS09085 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 15/12/2017 cho Nguyễn Văn N.

- Q sử dụng đất đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 54, tổng diện tích 120m^2, đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, theo giấy chứng nhận Q sử dụng đất, Q sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 423536, số vào sổ cấp GCN: CH09092 do Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 03/01/2018 cho hộ ông Nguyễn Văn Ngon và bà Trần Thị Q, tặng cho ông Nguyễn Văn N theo hồ sơ số 009092.TA.001, ngày 26/01/2018 và tài sản gắn liền với đất là căn nhà trên đất.

- Q sử dụng đất đối với thửa đất số 243, tờ bản đồ số 67, tổng diện tích 1.149m^2, đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, theo giấy chứng nhận Q sử dụng đất, Q sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 423519, số vào sổ cấp GCN: CS09091 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 15/12/2017 cho hộ ông Nguyễn Văn Út, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn N theo hồ sơ số 009091.CN.001, ngày 01/02/2018.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn N trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền nợ vay tổng cộng là 750.440. 811 đồng của hai hợp đồng tín dụng bao gồm tiền nợ vay vốn gốc là 734.400.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 20/8/2018 là 16.040.811 đồng và yêu cầu trả lãi tiếp tục từ ngày 21/8/2018 theo quy định của hợp đồng tín dụng số 6500-LAV-201800.117 ngày 01/02/2018 và Hợp đồng tín dụng (Dùng cho khách hàng cá nhân) số 6500-LAV-201800.154 ngày 06/02/2018 cho đến khi trả xong nợ.

Công nhận Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số: 2018.18/HĐTC ngày 31/01/2018 và Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số: 2018.21/HĐTC ngày 06/02/2018 ký giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp với ông Nguyễn Văn N. Trong trường hợp ông Nguyễn Văn N không trả nợ, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số: 2018.18/HĐTC ngày 31/01/2018 và Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số: 2018.21/HĐTC ngày 06/02/2018 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Sau khi thanh toán xong các khoản nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam sẽ trả lại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Q sử

dụng đất số: 2018.18/HĐTC ngày 31/01/2018 và Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số: 2018.21/HĐTC ngày 06/02/2018.

Ngân hàng thống nhất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ; Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp số: 64/SĐ.ĐĐ/CNVPĐKĐĐ/2019, đo vẽ ngày 25/6/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung và Biên bản định giá của Hội đồng định giá tài sản huyện Lai Vung cùng ngày 25/6/2019. Không yêu cầu định giá lại tài sản.

Ngân hàng không yêu cầu thẩm định, đo đạc định giá phần đất tranh chấp thửa đất số 243, tờ bản đồ số 67, diện tích 1.149m^2, đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp vì thống nhất giá theo Quyết định giá đất của UBND tỉnh Đồng Tháp là 400.000 đồng/01m^2. Bản chính Giấy chứng nhận Q sử dụng đất đã đo đạc khi tách thửa năm 2018 nên thống nhất theo diện tích trên Giấy chứng nhận Q sử dụng đất.

Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin Đ3 chúng, chi phí định giá Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển nông thôn Việt Nam tự nguyện chịu, đã nộp và chi xong.

* Bị đơn Nguyễn Văn N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt và Biên bản lấy lời khai, nội dung như sau: Nguyễn Văn N thừa nhận có ký tên trong Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp để vay tiền và thế chấp tài sản đúng như Ngân hàng trình bày. Nguyễn Văn N đồng ý trả số tiền vay còn nợ theo yêu cầu của Ngân hàng là 750.440. 811 đồng của hai hợp đồng tín dụng bao gồm tiền nợ vay vốn gốc là 734.400.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 20/8/2018 là 16.040.811 đồng và yêu cầu trả lãi tiếp tục từ ngày 21/8/2018 theo quy định của hợp đồng tín dụng số 6500-LAV-201800.117 ngày 01/02/2018 và 6500-LAV-201800.154 ngày 06/02/2018 cho đến khi trả xong nợ.

Đối với tài sản thế chấp Nguyễn Văn N yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật:

- Q sử dụng đất đối với thửa đất số 155, tờ bản đồ số 67, tổng diện tích 6.646m^2, đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, theo giấy chứng nhận Q sử dụng đất, Q sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 481340, số vào sổ cấp GCN: CS09085 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 15/12/2017 cho Nguyễn Văn N. Phần đất này là của hộ ông Nguyễn Minh Nô (là cha dượng của N), do N cần tiền làm ăn nên ông Nô cho mượn Bản chính Giấy chứng nhận Q sử dụng đất 01 năm để vay tiền, muốn vay tiền phải đứng tên Giấy chứng nhận nên ông Nô làm Hợp đồng chuyển nhượng phần đất này cho Nguyễn Văn N, hết 01 năm có tiền trả sẽ sang tên lại cho ông Nô nhưng do làm ăn thất bại nên không có tiền trả, thực tế thì không có việc ông Nô chuyển nhượng đất cho N và N cũng không biết phần đất này ai đang canh tác sử dụng, khi thẩm định cho vay N có chỉ đất để Ngân

hàng thẩm định theo quy định. Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật, đồng ý theo giải quyết của Tòa án.

- Q sử dụng đất đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 54, tổng diện tích 120m^2, đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, theo giấy chứng nhận Q sử dụng đất, Q sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 423536, số vào sổ cấp GCN: CH09092 do Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 03/01/2018 cho hộ ông Nguyễn Văn Ngon và bà Trần Thị Q, tặng cho ông Nguyễn Văn N theo hồ sơ số 009092.TA.001, ngày 26/01/2018. Phần đất và nhà trên đất là của cha mẹ của Nguyễn Văn N tặng cho Nguyễn Văn N theo đúng quy định, đồng ý xử lý tài sản thế chấp này để trả nợ Ngân hàng.

- Q sử dụng đất đối với thửa đất số 243, tờ bản đồ số 67, tổng diện tích 1.149m^2, đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, theo giấy chứng nhận Q sử dụng đất, Q sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 423519, số vào sổ cấp GCN: CS09091 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 15/12/2017 cho hộ ông Nguyễn Văn Út, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn N theo hồ sơ số 009091.CN.001, ngày 01/02/2018. Phần đất này Nguyễn Thị Kim T5 có nhờ Nguyễn Văn N vay tiền để làm ăn, làm hồ sơ chuyển nhượng phần đất này cho Nguyễn Văn N, thực tế N không có mua phần đất này từ ông Nguyễn Văn Út. Sau khi vay tiền N đã đưa cho Nguyễn Kim T5 200.000.000 đồng, không có giấy tờ biên nhận, tiền này là giữa N với T5 nên N không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp khởi kiện thành vụ án khác. Tài sản thế chấp là phần đất này yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật, không yêu cầu đo đạc thẩm định phần đất này, đồng ý theo giải quyết của Tòa án.

Nguyễn Văn N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

* Người có Q L2, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh Út trình bày: Vào ngày 14/08/2012 tôi nhận chuyển nhượng 02 công tầm 03m của ông Nguyễn Minh Nô, thuộc một phần thửa đất số 412, tờ bản đồ số 05, đất lúa, tọa lạc tại xã Long Thắng do ông Nguyễn Minh Nô đứng tên Q sử dụng đất. Tôi đã giao đủ tiền là 200.000.000 đồng và nhận đất canh tác sử dụng từ năm 2012 đến nay. Hai bên có làm Tờ bán đất do hai bên ký tên, con của ông Nô trực tiếp ký tên và có người làm chứng. Do ông Nô thế chấp vay tiền Ngân hàng nên chưa sang tên được, đến tháng 06 năm 2018 Ngân hàng đến phần đất tranh chấp nói là đất đã thế chấp, sau đó tôi đến Ủy ban nhân dân xã Long Thắng hỏi mới biết ông Nguyễn Minh Nô chuyển nhượng toàn bộ thửa đất này sang cho ông Nguyễn Văn N, không biết việc ông N thế chấp bản chính Giấy chứng nhận Q sử dụng đất, đến khi Tòa án Thẩm định phần đất mới biết ông N đã thế chấp Bản chính Giấy chứng nhận Q sử dụng đất này cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông

thôn Việt Nam. Phần đất này tôi đã nhận chuyển nhượng, vợ chồng tôi sử dụng từ năm 2012, đến năm 2018 ông Nô chuyển nhượng cho ông N sau đó thế chấp Ngân hàng tôi hoàn toàn không biết. Việc chuyển nhượng, thế chấp cho Ngân hàng là không đúng quy định pháp luật.

Nguyễn Minh Út yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận Hợp đồng chuyển nhượng Q sử dụng đất giữa vợ chồng Nguyễn Minh Út, Huỳnh Thị Nữ với hộ ông Nguyễn Minh Nô ngày 14/8/2012; tuyên Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số: 2018.18/HĐTC ngày 31/01/2018 vô hiệu một phần (đối với thửa 155, tbđ 67, diện tích 6.646m^2); Ông Nguyễn Minh Út, Huỳnh Thị Nữ đứng tên Q sử dụng đất diện tích 2.746m^2 từ mốc M1 đến M6, M5, M4, B, A, C, M1 theo sơ đồ đo đạc đất tranh chấp số: 64/SĐ.ĐĐ/CNVPĐKĐĐ/2019, đo vẽ ngày 25/6/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung. Hoặc buộc ông Nguyễn Minh Nô trả tiền chuyển nhượng Q sử dụng đất giá trị đất cho Nguyễn Minh Út, Huỳnh Thị Nữ là 200.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Minh Út thống nhất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chổ; Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp số: 64/SĐ.ĐĐ/CNVPĐKĐĐ/2019, đo vẽ ngày 25/6/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung và Biên bản định giá của Hội đồng định giá tài sản huyện Lai Vung cùng ngày 25/6/2019. Không yêu cầu định giá lại.

* Người có Q L2, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Nữ trình bày: Bà Nữ là vợ ông Nguyễn Minh Út, thống nhất như trình bày của ông Nguyễn Minh Út, không trình bày, yêu cầu gì thêm khác.

* Người có Q L2, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Diễu là Đ3 diện theo ủy Q cho Lê Thị Cẩm Giang trình bày: Vào ngày 28/06/2011 Lê Thị Cẩm Giang nhận chuyển nhượng 03 công tầm lớn của ông Nguyễn Minh Nô, thuộc một phần thửa đất số 412, tờ bản đồ số 05, đất lúa, tọa lạc tại xã Long Thắng do ông Nguyễn Minh Nô đứng tên Q sử dụng đất. Đã giao đủ tiền là 210.000.000 đồng và nhận đất canh tác sử dụng từ năm 2011 đến nay. Hai bên có làm Giấy bán đất do hai bên ký tên, con của ông Nô trực tiếp ký tên và Ban nhân dân ấp xác nhận. Do ông Nô thế chấp vay tiền Ngân hàng nên chưa sang tên được, đến năm 2018 mới biết ông Nguyễn Minh Nô chuyển nhượng toàn bộ thửa đất này sang cho ông Nguyễn Văn N, không biết việc ông N thế chấp bản chính Giấy chứng nhận Q sử dụng đất, đến khi Tòa án Thẩm định phần đất mới biết ông N đã thế chấp Bản chính Giấy chứng nhận Q sử dụng đất này cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Phần đất này Lê Thị Cẩm Giang đã nhận chuyển nhượng, sử dụng từ năm 2011, đến năm 2018 ông Nô chuyển nhượng cho ông N sau đó thế chấp Ngân hàng, Lê Thị Cẩm Giang hoàn toàn không biết.

Lê Thị Cẩm Giang yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận Hợp đồng chuyển nhượng Q sử dụng đất giữa Lê Thị Cẩm Giang với hộ ông Nguyễn Minh Nô ngày

28/6/2011; tuyên Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số: 2018.18/HĐTC ngày 31/01/2018 vô hiệu một phần (đối với thửa 155, tbđ 67, diện tích 6.646m^2); Lê Thị Cẩm Giang đứng tên Q sử dụng đất diện tích 3.900m^2 từ mốc A đến B,M3,M2,A theo sơ đồ đo đạc đất tranh chấp số: 64/SĐ.ĐĐ/CNVPĐKĐĐ/2019, đo vẽ ngày 25/6/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung. Hoặc buộc ông Nguyễn Minh Nô trả tiền chuyển nhượng Q sử dụng đất giá trị đất cho Lê Thị Cẩm Giang là 210.000.000 đồng.

Lê Thị Cẩm Giang thống nhất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chổ; Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp số: 64/SĐ.ĐĐ/CNVPĐKĐĐ/2019, đo vẽ ngày 25/6/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung và Biên bản định giá của Hội đồng định giá tài sản huyện Lai Vung cùng ngày 25/6/2019. Không yêu cầu định giá lại.

* Người có Q L2, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Út trình bày: Thửa đất số 243, tờ bản đồ số 67, diện tích 1.149m^2, đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp là của ông bà để lại cho hộ gia đình tôi, trên phần đất có 04 hộ (04 căn nhà) đang sinh sống, năm 2018 tôi tách phần đất ra cho em tôi nhưng không biết lý do gì Nguyễn Thị Kim T5 lấy Bản chính Giấy chứng nhận Q sử dụng đất sang tên chuyển nhượng cho Nguyễn Văn N, tôi không biết gì về việc chuyển nhượng này, phần đất này tôi cũng không biết gì về việc N thế chấp Ngân hàng.

Ông Nguyễn Văn Út yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng Q sử dụng đất ngày 30/01/2018 giữa ông Nguyễn Văn Út với Nguyễn Văn N và Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số: 2018.21/HĐTC ngày 06/02/2018 là vô hiệu. Hộ ông Nguyễn Văn Út đứng tên Q sử dụng đất thửa đất số 243, tờ bản đồ số 67, diện tích 1.149m^2, đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Đối với 03 căn nhà còn lại có trên đất không tranh chấp gì trong vụ án này, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không trình bày, yêu cầu gì thêm.

Nguyễn Văn Út không yêu cầu thẩm định, đo đạc định giá phần đất tranh chấp vì thống nhất giá theo Quyết định giá đất của UBND tỉnh Đồng Tháp là 400.000 đồng/01m^2. Bản chính Giấy chứng nhận Q sử dụng đất đã đo đạc khi tách thửa năm 2018 nên thống nhất theo diện tích trên Giấy chứng nhận Q sử dụng đất.

* Người có Q L2, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Hiệp trình bày: Là thành viên trong hộ gia đình có nhà trên phần đất đang thế chấp, thống nhất như trình bày của ông Nguyễn Văn Út, không tranh chấp gì trong vụ án này, không trình bày, yêu cầu gì thêm khác.

* Người có Q L2, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thu trình bày: Là thành viên trong hộ gia đình có nhà trên phần đất đang thế chấp, thống nhất như trình

bày của ông Nguyễn Văn Út, không tranh chấp gì trong vụ án này, không trình bày, yêu cầu gì thêm khác.

* Người có Q L2, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh Nô ủy Q Trần Đình Hải trình bày: Vào ngày ngày 28/06/2011, ngày 14/08/2012 Nguyễn Minh Nô chuyển nhượng phần thửa đất số 412, tờ bản đồ số 05, đất lúa, tọa lạc tại xã Long Thắng trước đây do ông Nguyễn Minh Nô đứng tên Q sử dụng đất cho Nguyễn Minh Út là 02 công tầm lớn, Lê Thị Cẩm Giang là 03 công tầm lớn, Nguyễn Minh Nô đã nhận tiền đủ nhưng chưa sang tên giấy chứng nhận Q sử dụng đất do vay tiền Ngân hàng. Năm 2017 ông Nguyễn Minh Nô nhờ Nguyễn Văn N làm hồ sơ để đổi Giấy chứng nhận Q sử dụng đất nhưng không biết lý do gì N làm thủ tục tặng cho Q sử dụng đất, sang tên phần đất này cho Nguyễn Văn N đứng tên. Ông Nguyễn Minh Nô không biết gì về Hợp đồng chuyển nhượng Q sử dụng đất hay Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất phần đất này. Ông Nguyễn Minh Nô đã chuyển nhượng đất cho Nguyễn Minh Út, Lê Thị Cẩm Giang nên không có lý do gì sang tên chuyển nhượng đất cho Nguyễn Văn N. Ngân hàng cho vay không thẩm định xác minh tài sản thế chấp.

Ông Nguyễn Minh Nô yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng Q sử dụng đất thửa đất số 155, tờ bản đồ số 67, tổng diện tích 6.646m^2, đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, do Nguyễn Văn N đang đứng tên sang cho Lê Thị Cẩm Giang 03 công tầm lớn, Nguyễn Minh Út 02 công tầm lớn. Mặc dù Hợp đồng chuyển nhượng không đảm bảo về mặt hình thức theo Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015 nhưng đã giao nhận đủ tiền và nhận đất nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Minh Nô.

Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng Q sử dụng đất từ Nguyễn Minh Nô sang Nguyễn Văn N là vô hiệu, Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số: 2018.18/HĐTC ngày 31/01/2018 vô hiệu một phần (phần đất thuộc thửa 155). Ông Nguyễn Minh Nô đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất thửa 155 sang cho Nguyễn Minh Út, Lê Thị Cẩm Giang. Nếu Tòa án không chấp nhận thì ông Nguyễn Minh Nô đồng ý trả cho ông Nguyễn Minh Út, bà Huỳnh Thị Nữ 200.000.000 đồng, trả cho Lê Thị Cẩm Giang 210.000.000 đồng.

Nguyễn Minh Nô thống nhất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chổ; Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp số: 64/SĐ.ĐĐ/CNVPĐKĐĐ/2019, đo vẽ ngày 25/6/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung và Biên bản định giá của Hội đồng định giá tài sản huyện Lai Vung cùng ngày 25/6/2019. Không yêu cầu định giá lại.

* Người có Q L2, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh Bình trình bày: Là con ruột của ông Nguyễn Minh Nô, thừa nhận phần đất thửa đất số 155, tờ bản đồ số 67, tổng diện tích 6.646m^2, đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại xã Long Thắng,

huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp là của hộ ông Nguyễn Minh Nô chuyển nhượng cho Lê Thị Cẩm Giang 03 công tầm lớn, Nguyễn Minh Út 02 công tầm lớn vào năm 2011, 2012, ông Nguyễn Minh Nô đã nhận đủ tiền. Yêu cầu Tòa án giải quyết theo như yêu cầu của ông Nguyễn Minh Nô. Ngoài ra không trình bày, yêu cầu gì thêm.

Thống nhất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ; Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp số: 64/SĐ.ĐĐ/CNVPĐKĐĐ/2019, đo vẽ ngày 25/6/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung và Biên bản định giá của Hội đồng định giá tài sản huyện Lai Vung cùng ngày 25/6/2019. Không yêu cầu định giá lại.

* Người có Q L2, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Q trình bày: Bà Q là mẹ ruột của Nguyễn Văn N. Q sử dụng đất đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 54, tổng diện tích 120m^2, đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, theo giấy chứng nhận Q sử dụng đất, Q sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 423536, số vào sổ cấp GCN: CH09092 do Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 03/01/2018 cho hộ ông Nguyễn Văn Ngon và bà Trần Thị Q, tặng cho ông Nguyễn Văn N theo hồ sơ số 009092.TA.001, ngày 26/01/2018. Trước đây tại phiên hòa giải ngày 13/01/2021 bà Trần Thị Q thống nhất phần đất và nhà trên đất đã làm thủ tục tặng cho Nguyễn Văn N theo đúng quy định, đồng ý xử lý tài sản thế chấp này để trả nợ Ngân hàng nhưng bà Trần Thị Q thay đổi ý kiến, có yêu cầu độc lập là yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho Q sử dụng đất từ Trần Thị Q, Nguyễn Văn Ngon sang Nguyễn Văn N là vô hiệu (hủy), Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số: 2018.18/HĐTC ngày 31/01/2018 vô hiệu (hủy) một phần (phần đất thuộc thửa 44, tờ bản đồ số 54) và căn nhà trên thửa đất số 44, tờ bản đồ số 54, tổng diện tích 120m^2, đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp là sở hữu của bà Trần Thị Q vì ngoài căn nhà này nếu thi hành án trả nợ cho Ngân hàng thì bà Trần Thị Q không có chổ ở nào khác, hiện nay căn nhà này chỉ có bà Trần Thị Q đang sinh sống còn những người con của bà Q đã ra riêng trước năm 2018, Nguyễn Thị T cắt hộ khẩu năm 2013 nhưng chưa làm thủ tục xóa đăng ký thường trú, Trần Văn T2 cắt hộ khẩu nhưng vẫn cùng số nhà 131/KDC ấp Long Định, xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp hiện nay đi làm nhưng có liên lạc và thông báo cho T2 biết về việc tranh chấp nhà và đất hiện nay Trần Thị Q đang ở các người con của bà Trần Thị Q có ý kiến là không thi hành án phần đất và căn nhà vì Trần Thị Q không có chổ nào khác để ở, cũng không có khả năng mua lại.

Thống nhất theo biên bản định giá của Hội đồng định giá tài sản huyện Lai Vung ngày 11/01/2022. Ngoài ra không còn trình bày hay yêu cầu gì thêm khác.

* Người có Q L2, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Ngon trình bày: Ông Ngon là cha ruột của Nguyễn Văn N. Ông Nguyễn Văn Ngon cho rằng không biết, không có lăn tay vào Hợp đồng tặng cho Q sử dụng đất từ Trần Thị Q, Nguyễn Văn Ngon sang Nguyễn Văn N nhưng tại phiên Tòa không yêu cầu giám định dấu vân tay, không có nộp đơn yêu cầu tranh chấp gì trong vụ án này.

*** Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 22/6/2022, Toà án nhân dân huyện Lai Vung đã tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển nông thôn Việt Nam.

1.1 Buộc Nguyễn Văn N trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tiền nợ vay vốn gốc là 734.400.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 20/8/2018 là 16.040.811 đồng, tổng cộng là 750.440. 811 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn, tám trăm mười một đồng) và tiếp tục trả tiền lãi từ ngày 21/8/2018 theo hợp đồng tín dụng số 6500-LAV-201800.117 ngày 01/02/2018 và Hợp đồng tín dụng (Dùng cho khách hàng cá nhân) số 6500-LAV-201800.154 ngày 06/02/2018 cho đến khi trả xong nợ.

1.2. Công nhận Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số: 2018.18/HĐTC, số chứng thực 49, Quyển số 01/2017-SCC/HĐ,GD ngày 31/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp Nguyễn Văn N không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số: 2018.18/HĐTC, ngày 31/01/2018. để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng sẽ trả lại toàn bộ tài sản thế chấp khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng.

1.3 Tuyên Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số: 2018.21/HĐTC, số chứng thực 58, Quyển số 01/2017-SCC/HĐ,GD ngày 06/02/2018 của Ủy ban nhân dân xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp là vô hiệu.

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Út:

- Tuyên Hợp đồng chuyển nhượng Q sử dụng đất từ Nguyễn Văn Út sang Nguyễn Văn N số 45, Quyển số 01/2018-SCC/HĐ,GD ngày 30/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp vô hiệu.

- Buộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam trả tài sản thế chấp là Bản chính Giấy chứng nhận Q sử dụng đất số bìa CI423519, số vào sổ cấp GCN: CS090991 cấp ngày 27/12/2017 cho hộ ông Nguyễn Văn Út, nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn N ngày 01/02/2018 theo Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số: 2018.21/HĐTC, số chứng

thực 58, Quyển số 01/2017-SCC/HĐ,GD ngày 06/02/2018 của Ủy ban nhân dân xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Hộ ông Nguyễn Văn Út được Q sử dụng thửa đất số 243, tờ bản đồ số 47, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn, diện tích 1.149m^2, đất tọa lạc tại xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Đề nghị Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đồng Tháp thu hồi Bản chính Giấy chứng nhận Q sử dụng đất số bìa CI423519, số vào sổ cấp GCN: CS090991 cấp ngày 27/12/2017 cho hộ ông Nguyễn Văn Út, nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn N ngày 01/02/2018 để cấp lại cho hộ ông Nguyễn Văn Út.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự phải có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm Q về Q2 lý đất đai để kê khai, đăng ký, điều chỉnh cấp đổi Giấy chứng nhận Q sử dụng đất đối với thửa đất số 243, tờ bản đồ số 47, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn, diện tích 1.149m^2, đất tọa lạc tại xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo bản án tuyên.

1.4 Không chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Minh Nô, Nguyễn Minh Út, Huỳnh Thị Nữ, Lê Thị Cẩm Giang về việc công nhận Hợp đồng chuyển nhượng Q sử dụng đất ngày 28/6/2011 và Hợp đồng chuyển nhượng Q sử dụng đất ngày 14/8/2012. Không chấp nhận tuyên Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số: 2018.18/HĐTC ngày 31/01/2018 vô hiệu; Không chấp nhận tuyên Hợp đồng chuyển nhượng Q sử dụng đất ngày 13/12/2017 từ Nguyễn Minh Nô sang Nguyễn Văn N và Hợp đồng tặng cho Q sử dụng đất ngày 16/01/2018 từ Trần Thị Q, Nguyễn Văn Ngon sang Nguyễn Văn N là vô hiệu.

Buộc ông Nguyễn Minh Nô trả tiền giá trị đất cho Nguyễn Minh Út, Huỳnh Thị Nữ là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và trả cho Lê Thị Cẩm Giang 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Buộc Nguyễn Minh Út, Huỳnh Thị Nữ, Lê Thị Cẩm Giang giao trả phần đất thuộc thửa đất số 155, tờ bản đồ số 67, diện tích 6.646m^2, đất chuyên trồng lúa nước, đất tọa lạc tại xã Long Thắng, theo sơ đồ đo đạc đất tranh chấp số: 64/SĐ.ĐĐ/CNVPĐKĐĐ/2019, đo vẽ ngày 25/6/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung đất để thi hành án theo Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số: 2018.18/HĐTC, số chứng thực 49, Quyển số 01/2017-SCC/HĐ,GD

ngày 31/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

2. Về tiền tạm ứng án phí, án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chổ đo đạc, định giá, chi phí thông báo trên phương tiện thông tin Đ3 chúng:

- Ông Nguyễn Văn N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 34.017.632 đồng và án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, tổng cộng 34.317.623 đồng (Ba mươi bốn triệu, ba trăm mười bảy nghìn, sáu trăm hai mươi ba đồng).

- Ông Nguyễn Minh Nô phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 20.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, được trừ tiền tạm ứng án phí đã đã nộp là 600.000 đồng theo biên lai số 0014731, ngày 01/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Ông Nguyễn Minh Nô phải nộp thêm 20.100.000 đồng (Hai mươi triệu, một trăm nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Minh Út, Huỳnh Thị Nữ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.225.000 đồng, theo biên lai số 0008613, ngày 02/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Ông Nguyễn Minh Út, Huỳnh Thị Nữ được nhận lại 3.925.000 đồng (Ba triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Bà Lê Thị Cẩm Giang phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.337.500 đồng, biên lai số 0008614 ngày 02/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Bà Lê Thị Cẩm Giang được nhận lại 6.037.500 đồng (Sáu triệu, không trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

- Bà Trần Thị Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 600.000 đồng, trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.050.000 đồng theo biên lai số 0005845, ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Bà Trần Thị Q phải chịu chi phí định giá là 500.000 đồng đã nộp và chi xong. Bà Trần Thị Q được nhận lại 3.450.000 đồng (Ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng)

- Ông Nguyễn Văn Út không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả trả lại cho ông Nguyễn Văn Út tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010750 ngày 19/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Nguyễn Minh Nô phải nộp chi phí xem xét thẩm định tại chổ, đo đạc, định giá là 4.848.000 đồng. Do Đ3 diện ủy Q Lê Thị Cẩm Giang là ông Lê Văn Diểu đã nộp nên Nguyễn Minh Nô phải trả lại cho Lê Thị Cẩm Giang là 4.848.000 đồng (Bốn triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

- Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin Đ3 chúng và chi phí định giá là 700.000 đồng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp đã nộp, chi xong.

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển nông thôn Việt Nam phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.157.000 đồng theo biên lai số 0002483, ngày 16/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển nông thôn Việt Nam được nhận lại là 17.857.000 đồng (Mười bảy triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên Q và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

- Ngày 01/7/2022, bà Trần Thị Q kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà: Yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho QSDĐ diện tích 120m^2, thửa 44, tờ BĐ số 54 tọa lạc tại xã Long Thắng giữa bà với ông N là giao dịch dân sự vô hiệu và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ do ông N đứng tên.

- Ngày 01/7/2022, Ông Nguyễn Văn Ngon kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm để đảm bảo Q L2 cho ông.

- Ngày 01/7/2022, Ông Nguyễn Minh Nô kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông: 1/ Yêu cầu tuyên bố HĐCN diện tích 6.646m^2, thửa 155, tờ bản đồ 67, tọa lạc tại xã Long Thắng giữa ông với ông N. 2/ Yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ do ông Nguyễn Văn N đứng tên. 3/ Yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp QSDĐ số 2018. 18/HĐTC ngày 31/01/2018 giữa ông N với Ngân hàng Nông nghiệp vô hiệu một phần đối với thửa đất 155, tờ bản đồ số 67, tại xã Long Thắng. 4/ Ông đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng diện tích 6.646m^2 với chị Lê Thị Cẩm Giang, ông Nguyễn Minh Út.

- Ngày 01/7/2022, Ông Nguyễn Văn Tèo, ông Nguyễn Thanh Bình kháng cáo một phần bản án số 32 ngày 22/7/2022 và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

- Ngày 05/7/2022, Ông Nguyễn Minh Út kháng cáo một phần bản án sơ thẩm theo hướng công nhận HĐCN QSDĐ diện tích 2.600m^2, thuộc một phần thửa 412 (155), tờ BĐ số 05 (67) tại xã Long Thắng với ông Nguyễn Minh Nô.

- Ngày 05/7/2022, Chị Lê Thị Cẩm Giang kháng cáo một phần bản án sơ thẩm theo hướng công nhận HĐCN QSDĐ diện tích 3.900m^2, thuộc một phần thửa 412 (155), tờ BĐ số 05 (67) tại xã Long Thắng giữa chị với ông Nguyễn Minh Nô.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

+ Bà Trần Thị Q, ông Nguyễn Văn Ngon, ông Nguyễn Minh Nô, ông Nguyễn Văn Tèo, ông Nguyễn Thanh Bình, ông Nguyễn Minh Út, bà Lê Thị Cẩm Giang vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

+ Đ3 diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét kháng cáo của Bà Trần Thị Q, ông Nguyễn Văn Ngon, ông Nguyễn Minh Nô, ông Nguyễn Văn Tèo, ông Nguyễn Thanh Bình, ông Nguyễn Minh Út, bà Lê Thị Cẩm Giang là không có căn cứ; nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Q, ông Ngon, ông Nô, ông Tèo, ông Bình, ông Út, bà Giang; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà Trần Thị Q, ông Nguyễn Văn Ngon, ông Nguyễn Minh Nô, ông Nguyễn Văn Tèo, ông Nguyễn Thanh Bình, ông Nguyễn Minh Út, bà Lê Thị Cẩm Giang. Hội đồng xét xử xét thấy:

Phần đất có tranh chấp trong vụ án thuộc Q sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Văn N tại thời điểm ông N vay tiền và thế chấp Q sử dụng đất với Ngân hàng. Cụ thể, ông N thế chấp phần đất để vay tiền của Ngân hàng thông qua 02 Hợp đồng tín dụng là: Hợp đồng tín dụng (Dùng cho khách hàng cá nhân) số 6500-LAV-201800.117 ký ngày 01/02/2018 và Hợp đồng tín dụng (Dùng cho khách hàng cá nhân) số 6500-LAV-201800.154 ký ngày 06/02/2018. Ông N cũng thừa nhận số tiền vay mà ông còn nợ Ngân hàng đúng như Đ3 diện phía Ngân hàng trình bày và đồng ý trả số tiền vay vốn còn nợ và tiền lãi theo yêu cầu của Ngân hàng. Khi thẩm định cho vay thì N có chỉ đất để Ngân hàng thẩm định theo quy định. Và vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã công nhận sự thỏa T2 sự thỏa T2 giữa nguyên đơn là Ngân hàng với bị đơn là ông N là phù hợp pháp luật.

Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ngon, bà Trần Thị Q thì, thửa đất số 44, tờ bản đồ số 54, diện tích 120m^2, là do ông N nhận tặng cho theo từ ông Ngon, bà Q theo hồ sơ số 009092.TA.001, ngày 26/01/2018 và ông N đã được cấp Giấy chứng nhận Q sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật; bà Q cho rằng hợp đồng tặng cho này là giả tạo và yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho này nhưng bà Q không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày cũng như yêu cầu của bà, Còn ông Ngon thì cho rằng ông không biết việc tặng cho, không lăn tay trong hợp đồng nhưng hợp đồng này được chứng thực theo quy định pháp luật; ông Ngon cũng không có yêu cầu giám định, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định hợp đồng này là có thật và có hiệu lực pháp luật, cũng như việc ông N đứng

tên Q sử dụng đất hợp pháp, công nhận hợp đồng vay tín dụng và thế chấp giữa ông N với Ngân hàng đối với thửa đất này và chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng là đúng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Q, ông Ngon.

Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Minh Nô, ông Nguyễn Minh Út và bà Lê Thị Cẩm Giang, thì theo tài liệu, chứng cứ thể hiện thửa đất 155, tờ bản đồ số 67, diện tích 6.646m^2, đất chuyên trồng lúa nước, mà Đ3 diện hợp pháp của ông Nô cho rằng ông Nô chỉ nhờ N làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận Q sử dụng đất cho ông Nô nhưng không biết lý do gì mà sang tên cho N nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh nội dung này, trong khi tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/3/2019, ông Nô trình bày vào năm 2017 ông N mượn bản chính Giấy chứng nhận Q sử dụng đất này một năm để vay tiền Ngân hàng nên ông Nô đã làm hợp đồng chuyển nhượng Q sử dụng đất cho ông N. Như vậy, việc ông Nô ký hợp đồng chuyển nhượng Q sử dụng đất cho ông N là có thật, còn việc ông Nô cho rằng chỉ là sang tên cho ông N để vay tiền Ngân hàng thì phía ông Nô không có chứng cứ gì chứng minh; ông N cũng đã được cấp Giấy chứng nhận Q sử dụng đất; Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất cũng được công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm hợp pháp theo đúng quy định pháp luật, nên Tòa án cấp sơ thẩm công nhận hợp đồng tín dụng và thế chấp giữa ông N với Ngân hàng, không chấp nhận yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng Q sử dụng đất từ Nô sang N là vô hiệu một phần, là đúng.

Còn đối với việc Nô chuyển nhượng cho Nguyễn Minh Út, Huỳnh Thị Nữ vào ngày 14/8/2012, chuyển nhượng cho Lê Thị Cẩm Giang vào ngày 28/6/2011 thì các bên chỉ lập hợp đồng bằng giấy viết tay, không tuân thủ quy định về hình thức, không sang tên chuyển nhượng Q sử dụng đất theo đúng trình tự quy định pháp luật, nên các giao dịch dân sự này là vô hiệu. Và vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Minh Nô, Nguyễn Minh Út, Huỳnh Thị Nữ, Lê Thị Cẩm Giang và không công nhận các Hợp đồng chuyển nhượng Q sử dụng đất ngày 28/6/2011 và ngày 14/8/2012, là có căn cứ.

Đối với kháng cáo của anh Nguyễn Văn Tèo và anh Nguyễn Thanh Bình yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, như nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo này là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử công nhận Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số: 2018.18/HĐTC ngày 31/01/2018; Tuyên Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số: 2018.21/HĐTC ngày 06/02/2018 là vô hiệu; Không công nhận Hợp đồng chuyển nhượng Q sử dụng đất ngày 28/6/2011 và ngày 14/8/2012; Không chấp nhận tuyên Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số: 2018.18/HĐTC ngày 31/01/2018 vô hiệu; Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng Q sử dụng đất ngày 13/12/2017 từ Nguyễn Minh Nô sang Nguyễn Văn N và Hợp đồng tặng cho Q sử dụng đất ngày 16/01/2018 từ Trần Thị Q, Nguyễn Văn Ngon cho Nguyễn Văn N; Buộc ông Nguyễn Minh Nô trả tiền giá trị đất cho Nguyễn Minh Út, Huỳnh Thị Nữ là 200.000.000 đồng và trả cho Lê Thị Cẩm Giang 210.000.000 đồng. Buộc

Nguyễn Minh Út, Huỳnh Thị Nữ, Lê Thị Cẩm Giang giao trả phần đất thuộc thửa đất số 155, tờ bản đồ số 67, để thi hành án theo hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số: 2018.18/HĐTC, số chứng thực 49, Quyển số 01/2017-SCC/HĐ,GD ngày 31/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, là có căn cứ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị Q, ông Nguyễn Văn Ngon, ông Nguyễn Minh Nô, ông Nguyễn Văn Tèo, ông Nguyễn Thanh Bình, ông Nguyễn Minh Út, bà Lê Thị Cẩm Giang cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày và yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các ông bà, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Tại phiên tòa, Đ3 diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị. Về nội dung vụ án, Đ3 diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Q, ông Nguyễn Văn Ngon, ông Nguyễn Minh Nô, ông Nguyễn Văn Tèo, ông Nguyễn Thanh Bình, ông Nguyễn Minh Út, bà Lê Thị Cẩm Giang, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị trên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên bà Trần Thị Q, ông Nguyễn Văn Ngon, ông Nguyễn Minh Nô, ông Nguyễn Văn Tèo, ông Nguyễn Thanh Bình, ông Nguyễn Minh Út, bà Lê Thị Cẩm Giang, phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 148 và khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự.

Điều 127, Điều 134, Điều 697, Điều 698, Điều 699, Điều 701, Điều 702 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 127, Điều 298, Điều 318, Điều 423, Điều 500, Điều 501, Điều 502, Điều 503 BLDS 2015; Điều 167, Điều 168, Điều 179 Luật đất đai.

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, Q2 lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Q, ông Nguyễn Văn Ngon, ông Nguyễn Minh Nô, ông Nguyễn Văn Tèo, ông Nguyễn Thanh Bình, ông Nguyễn Minh Út, bà Lê Thị Cẩm Giang,

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển nông thôn Việt Nam.

1.1 Buộc Nguyễn Văn N trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tiền nợ vay vốn gốc là 734.400.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 20/8/2018 là 16.040.811 đồng, tổng cộng là 750.440. 811 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn, tám trăm mười một đồng) và tiếp tục trả tiền lãi từ ngày 21/8/2018 theo hợp đồng tín dụng số 6500-LAV-201800.117 ngày 01/02/2018 và Hợp đồng tín dụng (Dùng cho khách hàng cá nhân) số 6500-LAV-201800.154 ngày 06/02/2018 cho đến khi trả xong nợ.

1.2. Công nhận Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số: 2018.18/HĐTC, số chứng thực 49, Quyển số 01/2017-SCC/HĐ,GD ngày 31/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp Nguyễn Văn N không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số: 2018.18/HĐTC, ngày 31/01/2018. để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng sẽ trả lại toàn bộ tài sản thế chấp khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng.

1.3 Tuyên Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số: 2018.21/HĐTC, số chứng thực 58, Quyển số 01/2017-SCC/HĐ,GD ngày 06/02/2018 của Ủy ban nhân dân xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp là vô hiệu.

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Út:

- Tuyên Hợp đồng chuyển nhượng Q sử dụng đất từ Nguyễn Văn Út sang Nguyễn Văn N số 45, Quyển số 01/2018-SCC/HĐ,GD ngày 30/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp vô hiệu.

- Buộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam trả tài sản thế chấp là Bản chính Giấy chứng nhận Q sử dụng đất số bìa CI423519, số vào sổ cấp GCN: CS090991 cấp ngày 27/12/2017 cho hộ ông Nguyễn Văn Út, nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn N ngày 01/02/2018 theo Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số: 2018.21/HĐTC, số chứng thực 58, Quyển số 01/2017-SCC/HĐ,GD ngày 06/02/2018 của Ủy ban nhân dân xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Hộ ông Nguyễn Văn Út được Q sử dụng thửa đất số 243, tờ bản đồ số 47, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn, diện tích 1.149m^2, đất tọa lạc tại xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Đề nghị Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đồng Tháp thu hồi Bản chính Giấy chứng nhận Q sử dụng đất số bìa CI423519, số vào sổ cấp GCN: CS090991 cấp ngày 27/12/2017 cho hộ ông Nguyễn Văn Út, nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn N ngày 01/02/2018 để cấp lại cho hộ ông Nguyễn Văn Út.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự phải có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm Q về Q2 lý đất đai để kê khai, đăng ký, điều chỉnh cấp đổi Giấy chứng nhận Q sử dụng đất đối với thửa đất số 243, tờ bản đồ số 47, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn, diện tích 1.149m^2, đất tọa lạc tại xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo bản án tuyên.

1.4 Không chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Minh Nô, Nguyễn Minh Út, Huỳnh Thị Nữ, Lê Thị Cẩm Giang về việc công nhận Hợp đồng chuyển nhượng Q sử dụng đất ngày 28/6/2011 và Hợp đồng chuyển nhượng Q sử dụng đất ngày 14/8/2012. Không chấp nhận tuyên Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số: 2018.18/HĐTC ngày 31/01/2018 vô hiệu; Không chấp nhận tuyên Hợp đồng chuyển nhượng Q sử dụng đất ngày 13/12/2017 từ Nguyễn Minh Nô sang Nguyễn Văn N và Hợp đồng tặng cho Q sử dụng đất ngày 16/01/2018 từ Trần Thị Q, Nguyễn Văn Ngon sang Nguyễn Văn N là vô hiệu.

Buộc ông Nguyễn Minh Nô trả tiền giá trị đất cho Nguyễn Minh Út, Huỳnh Thị Nữ là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và trả cho Lê Thị Cẩm Giang 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Buộc Nguyễn Minh Út, Huỳnh Thị Nữ, Lê Thị Cẩm Giang giao trả phần đất thuộc thửa đất số 155, tờ bản đồ số 67, diện tích 6.646m^2, đất chuyên trồng lúa nước, đất tọa lạc tại xã Long Thắng, theo sơ đồ đo đạc đất tranh chấp số: 64/SĐ.ĐĐ/CNVPĐKĐĐ/2019, đo vẽ ngày 25/6/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung đất để thi hành án theo Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số: 2018.18/HĐTC, số chứng thực 49, Quyển số 01/2017-SCC/HĐ,GD ngày 31/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

2. Về tiền tạm ứng án phí, án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chổ đo đạc, định giá, chi phí thông báo trên phương tiện thông tin Đ3 chúng:

- Ông Nguyễn Văn N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 34.017.632 đồng và án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, tổng cộng 34.317.623 đồng (Ba mươi bốn triệu, ba trăm mười bảy nghìn, sáu trăm hai mươi ba đồng).

- Ông Nguyễn Minh Nô phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 20.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, được trừ tiền tạm ứng án phí đã đã nộp là 600.000 đồng theo biên lai số 0014731, ngày 01/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Ông Nguyễn Minh Nô phải nộp thêm 20.100.000 đồng (Hai mươi triệu, một trăm nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Minh Út, Huỳnh Thị Nữ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.225.000 đồng, theo biên lai số 0008613, ngày 02/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Ông Nguyễn Minh Út, Huỳnh Thị Nữ được nhận lại 3.925.000 đồng (Ba triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Bà Lê Thị Cẩm Giang phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.337.500 đồng, biên lai số 0008614 ngày 02/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Bà Lê Thị Cẩm Giang được nhận lại 6.037.500 đồng (Sáu triệu, không trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

- Bà Trần Thị Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 600.000 đồng, trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.050.000 đồng theo biên lai số 0005845, ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Bà Trần Thị Q phải chịu chi phí định giá là 500.000 đồng đã nộp và chi xong. Bà Trần Thị Q được nhận lại 3.450.000 đồng (Ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng)

- Ông Nguyễn Văn Út không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả trả lại cho ông Nguyễn Văn Út tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010750 ngày 19/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Nguyễn Minh Nô phải nộp chi phí xem xét thẩm định tại chổ, đo đạc, định giá là 4.848.000 đồng. Do Đ3 diện ủy Q Lê Thị Cẩm Giang là ông Lê Văn Diểu đã nộp nên Nguyễn Minh Nô phải trả lại cho Lê Thị Cẩm Giang là 4.848.000 đồng (Bốn triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

- Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin Đ3 chúng và chi phí định giá là 700.000 đồng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp đã nộp, chi xong.

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển nông thôn Việt Nam phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.157.000 đồng theo biên lai số 0002483, ngày 16/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển nông thôn Việt Nam được nhận lại là 17.857.000 đồng (Mười bảy triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng)

- Về án phí phúc thẩm:

Bà Trần Thị Q phải chịu 300.000đ nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006229 ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung. (đã nộp xong)

Ông Nguyễn Văn Ngon phải chịu 300.000đ nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006230 ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung. (đã nộp xong)

Ông Nguyễn Minh Nô phải chịu 300.000đ nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006231 ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung. (đã nộp xong)

Ông Nguyễn Văn Tèo, Nguyễn Văn Bình mỗi người phải chịu 300.000đ nhưng được khấu trừ vào 600.000đ tiền tạm ứng án phí mà ông Tèo, ông Bình đã nộp theo biên lai số 0006232 ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung. (đã nộp xong)

Ông Nguyễn Minh Út phải chịu 300.000đ nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006237 ngày 05/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung. (đã nộp xong)

Chị Lê Thị Cẩm Giang phải chịu 300.000đ nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006238 ngày 05/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung. (đã nộp xong)

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thoả T2 thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng GĐ & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- TAND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA,TDS.

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy